

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23



BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Huy Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đặng Văn Vịnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Bà Phan Thu Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khanh	Thành viên

Ban Giám đốc điều hành

Ông Nguyễn Huy Hải	Giám đốc
Ông Đặng Văn Vịnh	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Huy Hải
Giám đốc

Phúc Yên, ngày 26 tháng 02 năm 2014

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MHD**

Địa chỉ: Số 03, C10, KĐT mới Mỹ Đình I, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3990 3006 - Fax: 04. 6287 2926

Email: info@mhd.vn - MST: 0104 56 0937

Số: /2014/MHD - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên, được lập ngày 26 tháng 02 năm 2014, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và Kiểm toán viên

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trịnh Đức Minh
Giám đốc
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1433 - 2013 - 198 - 1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MHD

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2049 - 2013 - 198 - 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MẪU B 01-DN	
			Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 31/12/2012
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.172.044.835	36.715.875.967
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	18.247.179.783	18.793.769.397
1. Tiền	111		13.797.179.783	18.793.769.397
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.450.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.530.554.767	15.799.985.297
1. Phải thu của khách hàng	131	5.2	610.486.000	1.953.125.000
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	1.527.752.848	13.716.899.248
5. Các khoản phải thu khác	135	5.4	1.392.315.919	129.961.049
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		249.119.736	821.520.249
1. Hàng tồn kho	141	5.5	249.119.736	821.520.249
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.145.190.549	1.300.601.024
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	7.343.635
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	1.145.190.549	1.293.257.389
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		71.139.295.786	54.487.014.185
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		71.115.295.786	54.487.014.185
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	55.214.459.686	37.366.077.985
- Nguyên giá	222		71.781.546.882	51.698.170.181
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.567.087.196)	(14.332.092.196)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	15.900.836.100	17.120.936.200
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		24.000.000	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		24.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		94.311.340.621	91.202.890.152

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày	Tại ngày
			31/12/2013	31/12/2012
A. Nợ phải trả	300		10.066.914.877	9.660.753.680
I. Nợ ngắn hạn	310		10.066.914.877	9.419.831.280
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.9	5.039.017.771	983.674.106
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	36.000.000	3.409.749.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	1.059.258.633	1.045.365.354
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		465.000.000	805.000.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.12	1.566.708.478	2.521.576.825
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.900.929.995	654.465.995
II. Nợ dài hạn	330		-	240.922.400
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	240.922.400
B. Vốn chủ sở hữu	400		84.244.425.744	81.542.136.472
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	24.541.992.590	25.881.676.519
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		19.938.458.567	18.853.760.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	891.269.618
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.150.382.752	309.979.262
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		299.826.000	97.122.687
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.351.931.271	4.928.150.952
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		801.394.000	801.394.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	5.14	59.702.433.154	55.660.459.953
1. Nguồn kinh phí	432		15.453.473.000	29.344.220.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		44.248.960.154	26.316.239.953
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		94.311.340.621	91.202.890.152

Vũ Khắc Hòa
Người lập biểu

Nguyễn Thị Huệ
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Hải
Giám đốc

Phúc Yên, ngày 26 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	MẪU B 02-DN	
			Đơn vị tính: VND	
			Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		47.962.963.231	45.342.305.248
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	47.962.963.231	45.342.305.248
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	41.307.030.597	35.367.204.127
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.655.932.634	9.975.101.121
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	590.179.563	830.657.205
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	4.375.718.475	4.832.279.336
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.870.393.722	5.973.478.990
11. Thu nhập khác	31	6.5	241.422.400	37.316
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		241.422.400	37.316
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.111.816.122	5.973.516.306
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.6	759.884.851	1.045.365.354
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.351.931.271	4.928.150.952
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	1.134	2.614

Vũ Khắc Hòa
Người lập biểu

Nguyễn Thị Huệ
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Hải
Giám đốc

Phúc Yên, ngày 26 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		46.698.421.685	44.326.413.906
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(22.706.366.109)	(22.291.649.364)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.239.549.444)	(9.094.898.953)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.087.526.775)	(151.317.769)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.555.936.470	9.756.774.280
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.367.983.404)	(6.475.151.552)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.852.932.423	16.070.170.548
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.989.701.600)	(9.513.466.300)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		590.179.563	830.657.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.399.522.037)	(8.682.809.095)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(546.589.614)	7.387.361.453
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.793.769.397	11.406.407.944
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		18.247.179.783	18.793.769.397

Vũ Khắc Hòa
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Huệ
 Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Hải
 Giám đốc

Phúc Yên, ngày 26 tháng 02 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên ("Công ty") là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 2500144243 ngày 02/06/2011. Ngày 04/09/2013 Công ty được số Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3. Theo đó, Vốn điều lệ của Công ty là 20.739.850.000 đồng, được chia làm là 2.073.985 cổ phần, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác đang nắm giữ cụ thể như sau:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ góp vốn
1	Vốn góp nhà nước do các cá nhân làm chủ đại diện		1.829.224	18.292.240.000,00	88,2%
	- Nguyễn Huy Hải	Cổ phần phổ thông	823.152	8.231.529.000	39,7%
	- Đặng Văn Vịnh	Cổ phần phổ thông	457.306	4.573.069.000	22,0%
	- Nguyễn Duy Khanh	Cổ phần phổ thông	182.922	1.829.229.000	8,8%
	- Phan Thu Trang	Cổ phần phổ thông	182.922	1.829.229.000	8,8%
	- Nguyễn Thị Huệ	Cổ phần phổ thông	182.922	1.829.229.000	8,8%
2	Vốn cổ đông khác	Cổ phần phổ thông	244.761	2.447.610.000	11,8%
Tổng			2.073.985	20.739.850.000	100%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 221 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của công ty năm 2013

Một số ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nội thị, vỉa hè đường bộ và hệ thống nước đô thị;
- Phun nước chống bụi đường trên các tuyến đường;
- Quản lý, sửa chữa, vận hành lưới điện chiếu sáng công cộng, đèn trang trí, đèn tín hiệu giao thông các khu vực công ty được giao quản lý;
- Trồng, tu bổ vườn hoa, công viên, cây xanh, dịch vụ hoa tươi, cây cảnh, trang lễ, ươm cây giống;
- Xây dựng công trình đường dây điện tới 35KV và trạm biến áp đến 560 KVA;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt công trình điện chiếu sáng công cộng, công trình nước sinh hoạt;
- Dịch vụ trồng, rửa, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện giao thông đường bộ;
- Quản lý nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân và dịch vụ tang lễ;
- Thu gom, vận chuyển xử lý chất thải lỏng;
- Xây dựng, sửa chữa nhà ở và các công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ bằng ô tô;

Hoạt động chính của công ty năm 2013 là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, duy trì hệ thống cây xanh, duy trì hệ thống thoát nước đô thị, duy trì điện chiếu sáng công cộng; duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, xây dựng, lắp đặt các công trình công cộng...
- Dịch vụ tang lễ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam.

Kỳ Kế toán

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đảm bảo đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác về kế toán do Nhà nước ban hành trong việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính Kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền.**

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp, hao hụt định mức và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo Phương pháp thực tế đích danh.

Công ty áp dụng Phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty và tài sản cố định được Nhà nước giao quản lý, sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 và thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính về chế độ Quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Tài sản	2013 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

Chi phí khấu hao tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các tài sản cố định được Nhà nước giao quản lý, sử dụng phục vụ cho mục đích công cộng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo số tiền thực tế đã chi trả cho các đối tác cung cấp hàng hóa, dịch vụ và các đối tượng liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản do Công ty làm Chủ đầu tư.

Các khoản chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ Kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ Kế toán.

Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ Kế toán nhưng có liên quan đến nhiều năm tài chính thì được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ Kế toán theo phương pháp và tiêu thức hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh sai sót trọng yếu của năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty, cũng như quy định của pháp luật Việt Nam.

Nguồn kinh phí

Công ty phân ánh các khoản tiền do Ngân sách Nhà nước cấp để thực hiện các công trình, dự án do các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao Công ty làm Chủ đầu tư nhưng chưa được duyệt quyết toán chi phí thực hiện vào tài khoản Nguồn kinh phí

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ hoặc phát hành hóa đơn cho người mua và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản lãi tiền gửi ngân hàng. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên số tiền thực thu hoặc theo thông báo của ngân hàng.

Ghi nhận chi phí

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán. Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và các dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu chi phí trong kỳ kế toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế giá trị gia tăng được hạch toán theo phương pháp khấu trừ;

Công ty có các hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động chịu thuế của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất mối quan hệ được chú ý không phụ thuộc vào hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐỘ THỊ PHÚC YÊN**Số nhà 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng
Vương, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY
31/12/2013****5.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Tiền mặt	17.175.652	360.177.052
Tiền gửi ngân hàng	13.780.004.131	18.433.592.345
<i>Ngân hàng NN và Phát triển Nông thôn - Phúc Yên</i>	-	360.738.010
<i>Ngân hàng công thương tỉnh Vĩnh Phúc</i>	13.066.779.071	13.608.439.982
<i>Ngân hàng công thương Tiền Châu</i>	713.225.060	4.464.414.353
Các khoản tương đương tiền	4.450.000.000	-
Cộng	18.247.179.783	18.793.769.397

5.2. Phải thu khách hàng

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Bệnh Viện Giao thông vận tải	56.556.000	56.556.000
Công ty CP cao su Sao Vàng	160.965.000	112.758.000
Công ty TNHH Đại Lải	27.000.000	22.650.000
Trường ĐHSP Hà Nội 2	76.572.000	76.572.000
Công trình Điện CSCC phố Lê Xoay (*)	40.442.000	40.442.000
Công trình điện CSCC ngõ 13, 14 (*)	30.039.000	30.039.000
Công trình điện CSCC đường Phạm Hồng Thái (*)	101.290.000	101.290.000
Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên	43.500.000	42.570.000
Ban quản lý dự án Thị xã Phúc Yên	11.449.000	11.449.000
Công ty TNHH Hồng Hạc Đại Lải	34.425.000	29.025.000
UBND phường Đồng Xuân	24.000.000	-
Công trình Điện CSCC phố Bảo An (*)	-	1.336.600.000
Khách hàng khác	4.248.000	93.174.000
Cộng	610.486.000	1.953.125.000

(*) Là các công trình Công ty được Ủy ban nhân dân Thị xã Phúc Yên giao cho Công ty làm chủ đầu tư, đồng thời các Công ty là nhà thầu xây lắp cho các Công trình này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2013 (tiếp theo)

5.3. Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Công ty TNHH Kim Việt	968.150.000	968.150.000
Xí Nghiệp xây dựng TM Nghĩa Bình	40.823.000	40.823.000
Công ty CP tư vấn KT và XD Hà Nội	413.099.848	469.560.000
Công ty CP Điện CS và TBĐT Hồ Gươm - CTĐiện ngõ xóm	-	3.959.024.000
Công ty TNHH tư vấn XDTM Hoàng Long	-	1.536.500.000
Công ty TNHH xây dựng Sơn Yên	-	3.050.000.000
Công ty CP Đầu tư và XD Việt Nga	-	70.000.000
Công ty TNHH xây dựng Ninh Sơn	-	3.326.931.000
Công ty TV KSTK Vĩnh Phúc	-	80.000.000
Khách hàng khác	105.680.000	215.911.248
Cộng	1.527.752.848	13.716.899.248

5.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Phải thu nguồn kinh phí còn thiếu các Công trình	1.341.973.201	-
+ Công trình điện ngõ 6, ngõ 23	249.405.984	-
+ Công trình Điện bảo An	337.369.824	-
+ Công trình Điện chiếu sáng công cộng GD 1	379.050.393	-
+ Công trình Điện ngõ xóm GD 1	376.147.000	-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	30.276.118	60.197.349
Phải thu khác	20.066.600	69.763.700
Cộng	1.392.315.919	129.961.049

5.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	249.119.736	821.520.249
Giá gốc hàng tồn kho	249.119.736	821.520.249
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	249.119.736	821.520.249

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**Số nhà 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng
Vương, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY
31/12/2013 (tiếp theo)****5.6. Tài sản ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Tạm ứng	1.145.190.549	1.293.257.389

5.7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	TSCC được giao quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 31/12/2012	6.190.936.628	758.135.500	18.432.858.100	26.316.239.953	51.698.170.181
Tăng do mua sắm mới	-	32.030.000	2.572.760.000	-	2.604.790.000
Tăng do đầu tư xây dựng	-	-	-	17.932.720.201	17.932.720.201
Giảm khác	-	454.133.500	-	-	454.133.500
Tại ngày 31/12/2013	6.190.936.628	336.032.000	21.005.618.100	44.248.960.154	71.781.546.882
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 31/12/2012	1.152.356.796	464.933.500	12.714.801.900	-	14.332.092.196
Trích khấu hao	331.464.500	81.075.000	2.151.375.000	-	2.563.914.500
Giảm khác	-	328.919.500	-	-	328.919.500
Tại ngày 31/12/2013	1.483.821.296	217.089.000	14.866.176.900	-	16.567.087.196
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	5.038.579.832	293.202.000	5.718.056.200	26.316.239.953	37.366.077.985
Tại ngày 31/12/2013	4.707.115.332	118.943.000	6.139.441.200	44.248.960.154	55.214.459.686

* Nguyên giá tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã khấu hao hết đến ngày 31/12/2013 hiện nay Công ty vẫn đang còn sử dụng là 6.872.898.400 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**

Số nhà 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng
Vương, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2013 (tiếp theo)

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Công trình cải tạo rãnh thoát nước đường Nguyễn Trãi	3.588.537.500	261.606.500
Công trình Chợ trung tâm thị xã Phúc Yên	623.465.800	623.465.800
Công trình điện cscđ đường Trần Phú	400.000.000	400.000.000
Công trình điện CSCC ngõ xóm thị xã Phúc Yên GĐI	-	368.080.700
Công trình lát hệ đường Trung Nhị	1.675.732.400	69.232.400
Công trình muong thoát nước phường Trưng Trắc	93.021.000	93.021.000
Công trình Điện CSCC GĐ I	-	83.122.000
Công trình Sơn đường QL2A	322.644.800	304.000.000
Công trình Trồng cây các tuyến đường TX	1.715.011.000	505.610.000
Điện CSCC ngõ xóm thị xã PHúc Yên - GĐ II	3.690.968.000	3.662.968.000
Điện ngõ 6 SS, ngõ 23HBT, 308 TC,...	-	4.066.826.000
Điện trang trí đô thị TX PY 2012	820.831.500	820.831.500
Điện trang trí thị xã Phúc Yên	1.535.251.900	1.535.251.900
DCSCC tuyến phố Bảo An, Nguyễn thái Học, NTMKhai - XH- PY- VP	-	3.688.000.000
Công trình khác	1.435.372.200	638.920.400
Cộng	15.900.836.100	17.120.936.200

5.9. Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Công ty TNHH Cao Thành Đạt	90.000.000	-
Cơ sở cây cảnh cây xanh Tân Phúc Vương	122.395.000	-
Công trình trồng cây các tuyến đường nội thị (**)	260.755.922	-
Công trình Điện ngõ xóm Giai Đoạn 2 (**)	550.105.760	24.672.600
Công trình Điện CSCC ngõ 6, ngõ 23 (**)	260.030.000	-
Công ty CP Tư vấn công trình Điện và Giao thông Hà Nội	259.598.000	-
Công ty CP Thành Giao Miền Bắc Lam Duy	95.400.000	-
Công trình Điện CSCC phố Bảo An (**)	460.419.462	221.781.818
Đội Điện Công ty MT Công trình XD CB	481.749.053	-
Điện CSCC đường QL2 đi làng Mới (**)	655.784.000	205.784.000
Công ty CP Điện CS và TBĐT Hồ Gươm - Công trình Điện	253.325.000	-
Công ty TNHH xây dựng Sơn Yên	303.665.000	-
Công trình Điện CSCC đường Trần Phú (**)	294.041.440	294.041.440
Công ty CP Thiết kế đầu tư xây dựng	33.728.841	115.631.248
Công ty TNHH ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	109.825.000	-
Công ty TNHH TM và DV Hùng Hưng	347.017.000	-
Khách hàng khác	461.178.293	121.763.000
Cộng	5.039.017.771	983.674.106

(**) Là các công trình Công ty được Ủy ban nhân dân Thị xã Phúc Yên giao cho Công ty làm chủ đầu tư, đồng thời Công ty là nhà thầu xây lắp cho các Công trình này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2013 (tiếp theo)

5.10. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Công ty TNHH Phước An	36.000.000	-
Phải thu các Công trình	-	3.409.749.000
Cộng	36.000.000	3.409.749.000

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	341.535.203	-
Thuế TNDN	717.723.430	1.045.365.354
Cộng	1.059.258.633	1.045.365.354

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Quỹ xây dựng công đoàn	65.416.513	22.594.913
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.501.291.965	2.498.981.912
Cộng	1.566.708.478	2.521.576.825

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ PHÚC YÊN
Số nhà 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2013

MÃ SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5.13. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND					VND	VND	
Ngày 31/12/2011	18.853.760.000	891.269.618	891.269.618	309.979.262	97.122.687	801.394.000	4.928.150.952	25.881.676.519	
Tăng trong năm	1.084.698.567	-	-	990.127.752	246.408.000	-	2.351.931.271	4.673.165.590	
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	2.351.931.271	2.351.931.271	
Trích bổ sung các quỹ	-	-	-	990.127.752	246.408.000	-	-	1.236.535.752	
Tăng khác trong năm	1.084.698.567	-	-	-	-	-	-	1.084.698.567	
Giảm trong năm	-	891.269.618	891.269.618	149.724.262	43.704.687	-	4.928.150.952	6.012.849.519	
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	
Trích bổ sung các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	891.269.618	891.269.618	149.724.262	43.704.687	-	-	1.084.698.567	
Ngày 31/12/2012	19.938.458.567	-	-	1.150.382.752	299.826.000	801.394.000	2.351.931.271	24.541.992.590	

Handwritten signature and date: 31/12/2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐỒ THỊ PHÚC YÊN**

Số nhà 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MAU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2013 (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Tên chủ sở hữu	Tại ngày 31/12/2013		Tại ngày 31/12/2012	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp nhà nước	18.292.240.000	88,2%	16.406.150.000	87,0%
Cổ đông khác	2.447.610.000	11,8%	2.447.610.000	13,0%
Cộng	20.739.850.000	100%	18.853.760.000	100%

c. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.073.985	1.885.376
+ Cổ phiếu phổ thông	2.073.985	1.885.376
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.073.985	1.885.376
+ Cổ phiếu phổ thông	2.073.985	1.885.376
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.14. Nguồn kinh phí và quỹ khác

	Nguồn kinh phí VND	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	
		VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 31/12/2012	29.344.220.000	26.316.239.953	55.660.459.953
Tăng trong năm	2.700.000.000	17.932.720.201	20.632.720.201
<i>Tăng do Ngân sách cấp</i>	<i>2.700.000.000</i>	-	<i>2.700.000.000</i>
<i>Tăng do kết chuyển nguồn KP</i>	-	<i>17.932.720.201</i>	<i>17.932.720.201</i>
Giảm trong năm	16.590.747.000	-	16.590.747.000
<i>Giảm do kết chuyển nguồn KP</i>	<i>16.590.747.000</i>	-	<i>16.590.747.000</i>
<i>Giảm do trích khấu hao</i>	-	-	-
Số dư tài ngày 31/12/2013	15.453.473.000	44.248.960.154	59.702.433.154

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐỒ THỊ PHÚC YÊN**Số nhà 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng
Vương, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN BỔ SUNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH
DOANH NĂM 2013****6.1. Doanh thu**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng	47.962.963.231	45.342.305.248
Doanh thu dịch vụ công ích	37.898.821.000	35.267.110.000
Doanh thu xây dựng	8.153.852.778	7.561.831.802
Doanh thu khác	1.910.289.453	2.513.363.446
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	47.962.963.231	45.342.305.248

6.2. Giá vốn

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn dịch vụ công ích	32.214.697.984	25.729.116.008
Giá vốn xây dựng	7.384.592.459	7.378.148.747
Giá vốn khác	1.707.740.154	2.259.939.372
Cộng	41.307.030.597	35.367.204.127

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	590.179.563	830.657.205

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.013.757.200	1.940.465.407
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	323.358.000	18.762.000
Chi phí vật liệu	9.088.000	101.082.500
Chi phí khấu hao tài sản	427.036.500	471.080.520
Thuế và các khoản lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	195.591.800	886.721.500
Chi phí khác bằng tiền	1.403.886.975	1.411.167.409
Cộng	4.375.718.475	4.832.279.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013 (Tiếp theo)

6.5. Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập chuyển từ quỹ trợ cấp mất việc làm (*)	240.922.400	-
Thu nhập khác	500.000	37.316
Cộng	241.422.400	37.316

6.6. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.111.816.122	5.973.516.306
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	3.111.816.122	5.973.516.306
Thuế thu nhập phải trả ước tính (theo thuế suất 25%) của tổng thu nhập chịu thuế.	777.954.031	1.493.379.077
Thuế TNDN được giảm theo TT 140/2012/TT-BTC	18.069.179	448.013.723
Chi phí thuế TNDN hiện hành	759.884.852	1.045.365.354

6.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.351.931.271	4.928.150.952
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	2.073.985	1.885.376
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.134	2.614

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh, theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.153.152.276	6.080.414.520
Chi phí nhân công	15.041.141.079	12.807.674.035
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.563.914.500	2.978.056.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.442.222.613	4.833.131.600
Chi phí khác bằng tiền	4.850.612.675	4.106.325.509
Cộng	44.051.043.143	30.805.601.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm cổ phần vốn thuộc các cổ đông của Công ty (Bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2013	31/12/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.247.179.783	18.793.769.397
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.530.554.767	15.799.985.297
Cộng	21.777.734.550	34.593.754.694
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	6.641.726.249	6.914.999.931
Chi phí phải trả	465.000.000	805.000.000
Cộng	7.106.726.249	7.719.999.931

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư số 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không phải chịu rủi ro tỷ giá ngoại hối do không phát sinh các giao dịch mua bán sử dụng ngoại tệ khác đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không có rủi ro lãi suất khi khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng (tương đương tiền có lãi suất ổn định).

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro xảy ra tổn thất tài chính đối với Công ty nếu một khách hàng hay bên đối tác của một công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng dẫn tới các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện bằng giá trị còn lại của các số dư phải thu khách hàng và phải thu khác như trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền và các khoản tương đương tiền đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.247.179.783	-	18.247.179.783
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.347.334.767	-	3.347.334.767
Cộng	21.594.514.550	-	21.594.514.550
Tại ngày 31/12/2013			
Phải trả người bán	5.039.017.771	-	5.039.017.771
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.602.708.478	-	1.602.708.478
Chi phí phải trả	465.000.000	-	465.000.000
Cộng	7.106.726.249	-	7.106.726.249
Chênh lệch thanh khoản thuần	14.487.788.301	-	14.487.788.301

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**
Số nhà 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng
Vương, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2013
MAU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tại ngày 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.793.769.397	-	18.793.769.397
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.799.985.297	-	15.799.985.297
Cộng	34.593.754.694	-	34.593.754.694
Tại ngày 31/12/2012			
Phải trả người bán	983.674.106	-	983.674.106
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.931.325.825	-	5.931.325.825
Chi phí phải trả	805.000.000	-	805.000.000
Cộng	6.914.999.931	-	7.719.999.931
Chênh lệch thanh khoản thuần	27.678.754.763	-	26.873.754.763

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

7.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, đến thời điểm lập báo cáo này, không có bất kỳ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc niên độ nào xảy ra, có khả năng ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013.

7.3. Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty là Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	990.269.730	989.814.869

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu tại Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt.



Vũ Khắc Hòa
Người lập biểu



Nguyễn Thị Huệ
Kế toán trưởng




Nguyễn Huy Hải
Giám đốc

Phúc Yên, ngày 26 tháng 02 năm 2014